

SAFETY JOGGER PROFESSIONAL

Heavy

OXYSAFE PB

Giày an toàn nh ẹ nhất **trên** th ị t g

Giày OXYSAFE kh ả năng đ đ ố i M ệ s i n h v ệ u ả E S D t i ế n , mũi giày composite và khả năng khử trùng dễ dàng, nhữ n g đôi giày này hoàn hảo cho cả mội ẩm ướt và khô ráo.

4.30 kg

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA mở rộng
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	EVA mở rộng
u Đứng đầ	ống hợp t
i Loạ	PB / SR, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35/36-45/46 / UK 3.0/3.5-10.5/11.0 / US 5.5/6.0-11.5/12.0 JPN 21.5/22.5-29/30 / KOR 230/235-295/300
ng lượng thép	0.281 kg
ản hồi êu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20346:2022



WHT



BLK



NAV



Mũi giày an toàn composite
Không nhiễm từ và nhiệt hoặc dẫn điện



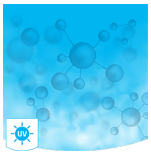
Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, khăng khít nhẹ các ứng dụng trong môi làm



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Có c
Những đôi giày này có thể được giặt trong máy



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố n g, Hoá h ọ c , Xây dự n g, thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn g môi khô, môi ẩ m ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hà nhiệ Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20346**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn		
Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	N/A ờ mg/cm/g
Top: h nụ số ớ h ơ	? 15	N/A mg/cm2
ót bên trong **SAU ĐÓ**		
L ớp lót: ấm ớ h ơ	? 2	N/A ờ mg/cm/g
lót: h nụ số ớ h ơ	? 20	N/A mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **EVA** m ở r ộ n g		
Ch ố n g trơ t bề mặt đế ngoài (mài mòn)	? 150	232.4(Density: 0.29) mm
Chư ớ t trơ t bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.39 ma sát
rư ợt có ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.38 ma sát
rư ợt SR - G ế t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.22 ma sát
Chư ớ t trơ t SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.22	0.23 ma sát
ị ch ố t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	43 megaohm
Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20	34.0 J
Đ ở n g đầ tợp		
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	? 13	16.5 mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	? 13	20.5 mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	N/A	N/A mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	N/A	N/A mm

kích thước thép: 38

a chú ý Giày không phải là thay thế cho nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g u q
i **CO** **phát** thả	
V ật l iệu	2.05 kg
Bao bì	0.10 kg
ất Sản x u	1.90 kg
Chuyên ch ở	0.26 kg
	4.30 kg CO2/ cặp

Sự **miêu** t ả	ế t K u q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	9%
Bao bì	100%

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com